

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2025

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Văn Chính

Bà Lâm Thị Loan Em.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025, về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Dương Thị D, sinh ngày 12/11/2003 (có đơn xin vắng).

Số căn cước công dân: \_\_\_\_\_, ngày 20/02/2022.

Địa chỉ: ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ.

**- Bị đơn:** Ông Danh N, sinh ngày 14/7/1999 (có đơn xin vắng).

Số căn cước công dân: \_\_\_\_\_, ngày 06/9/2022

Địa chỉ: ấp T, xã P, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2025 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Dương Thị D trình bày: Bà và ông N tổ chức lễ cưới rồi về sống chung với nhau có một người con chung tên Danh Thị Mỹ L, sinh ngày 09/5/2022. Đến ngày 05/7/2022 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, bà và ông N sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đã sống ly thân, hiện con đang sống với ông N. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Danh N.

Về con chung: Bà đồng ý giao con chung Danh Thị Mỹ L cho ông Danh N nuôi dưỡng và bà không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Danh N vắng mặt, quá trình giải quyết có lời khai: Ông và bà D tự nguyện chung sống với nhau có một người con chung tên Danh Thị Mỹ L, sinh ngày 09/5/2022. Đến ngày 05/7/2022 thì làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77/2022. Sau khi sinh con thì vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau do bất đồng quan điểm, đến khi con được 03 tháng tuổi thì vợ chồng sống ly thân và bà D giao con cho ông nuôi từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân, bà D có về thăm con được một vài lần, nhưng vợ chồng không gặp và cũng không liên lạc qua lại với nhau. Nay vợ chồng không còn tình cảm, ông đồng ý ly hôn với bà D và tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Danh Thị Mỹ L cho đến khi con trưởng thành, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không được gia đình cho tặng tài sản nào chung, trong thời gian sống chung thì thuê nhà ở và đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh, khi về quê thì sống tại nhà cha mẹ hai bên nên cũng chưa tạo lập được khối tài sản chung nào, đồng thời không có nợ chung nên ông không yêu cầu giải quyết các vấn đề về tài sản chung và nợ chung với bà D

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự có mặt tại phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định. Về nội dung thì thấy bà D khởi kiện ly hôn và ông N đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, công nhận thuận tình ly hôn cho bà D và ông N. Đối với con chung Danh Thị Mỹ L, ông N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và bà D đồng ý giao con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho ông N nuôi dưỡng. Các vấn đề về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng cho con không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí bà D thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn nên đề nghị Hội đồng chấp nhận miễn án phí cho bà D. Đối với ông N phải chịu 50% án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà D khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nay là xã P, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử

vắng mặt nên căn cứ **khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228** Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà D và ông N tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà D có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa bà D và ông N đã sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Ông N đã được thông báo về việc bà D khởi kiện và đồng ý ly hôn, việc đồng ý ly hôn của ông N là tự nguyện. Vì vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà D và ông N.

[3] Về con chung: Bà D và ông N có một người con chung là Danh Thị Mỹ L, sinh ngày 09/5/2022 đang sống với ông N. Xét ông N yêu cầu nuôi con chung, bà D đồng ý giao con nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của ông D về nuôi con chung. Bà D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng cho con: Bà D và ông N không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét việc cấp dưỡng cho con.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Do các đương sự thuận tình ly hôn, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn. Đối với bà D là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho bà D theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản **2 Điều 227, khoản 1 Điều 228** Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm đ khoản 1 Điều 12,

điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Dương Thị D và ông Danh N.

2. Về con chung: Giao cho ông Danh N được nuôi dưỡng con chung tên Danh Thị Mỹ L, sinh ngày 09/5/2022 đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Dương Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Ông Danh N phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 75.000 đồng, riêng bà Dương Thị D được miễn nộp án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Phú Lộc,  
thành phố Cần Thơ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thanh Mai**